

Bản án số: **100/2023/HNGĐ-ST**

Ngày 26/9/2023

“Về việc ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tuấn Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Cao Lâm.

2. Ông Trần Văn Bút.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ma Thị Vân Kiều - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Hữu Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 26/9/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 336/2023/TLST-HNGĐ ngày 26/7/2023 về việc ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 98/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 29/8/2023; quyết định hoãn phiên tòa số 66/2023/QĐST-HNGĐ ngày 12/9/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1992; địa chỉ: thôn C, xã D, huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1987; địa chỉ: thôn Đ, xã T, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang (vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn Q đăng ký kết hôn ngày 16/01/2019 tại UBND xã D, huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện đến với nhau, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống với nhau tại thôn C, xã D, huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do không có tiếng nói chung. Gia đình hai bên cũng đã khuyên bảo nhiều lần nhưng vợ chồng vẫn mâu thuẫn. Anh chị sống ly thân từ tháng 5 năm 2021 tới nay, không quan tâm,

chăm sóc gì tới nhau nữa. Chị được biết năm 2022 anh Q vi phạm pháp luật và phải đi chấp hành án tại Trại giam Quyết Tiến đến cuối năm 2022 mới chấp hành án xong. Nay, chị xác định tình cảm không còn, không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân được nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn Q.

Về con chung: Chị N xác định chị và anh Q không có con chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị N xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh Nguyễn Văn Q trốn tránh, không hợp tác làm việc, không thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình, không có văn bản trình bày ý kiến. Do đó Tòa án không lấy được lời khai của anh Q và không tiến hành hòa giải được.

Theo lời khai của ông Nguyễn Văn Z (là chú ruột của anh Q) thì chị N và anh Q có được tự do tìm hiểu, tự nguyện đến với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật vào năm 2019 tại UBND xã D, huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang. Hai bên gia đình chỉ đi lại, thăm nhà cửa hai bên mà không tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương cho anh Q và chị N. Sau khi kết hôn, anh chị làm ăn, sinh sống tại huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang. Chị N làm giáo viên, còn anh Q làm lao động tự do, đến khoảng giữa năm 2021 thì anh Q về huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang làm ăn, sinh sống, còn chị N vẫn công tác ở Hà Giang. Tháng 12 năm 2021 anh Q phải đi chấp hành án vì liên quan đến ma túy. Đến tháng 12 năm 2022 anh Q chấp hành án xong trở về địa phương. Từ đầu năm 2023 anh Q đi làm ăn tại thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông, không rõ địa chỉ cụ thể. Anh Q đi làm thỉnh thoảng có về nhà xong lại đi luôn. Anh Q và chị N có xảy ra mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng quan điểm, không hoà hợp về tính cách và đã đã ly thân nhau từ năm 2021 cho tới nay. Gia đình ông có nhận được các thông báo, giấy triệu tập của Tòa án và đã thông báo cho anh Q biết, anh Q đã biết việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn nhưng do anh đang đi làm ăn xa nên không về giải quyết được.

Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương phát biểu quan điểm: Tòa án đã thụ lý, giải quyết vụ án ly hôn sơ thẩm về việc ly hôn là đúng thẩm quyền, đúng nội dung tranh chấp. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử (HĐXX) đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 28, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Văn Q.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn Q kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 16/01/2019 tại UBND xã D, huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang, vì vậy đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Chị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, do vậy quan hệ pháp luật xác định là ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Kết quả xác minh xác định anh Nguyễn Văn Q có hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã T, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Theo giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt tù số 4368/GCN ngày 28/12/2022 của Trại giam Quyết Tiến thì anh Nguyễn Văn Q bị bắt tạm giam ngày 28/12/2021, tội danh Tàng trữ trái phép chất ma túy, án phạt 01 năm, ngày chấp hành xong án phạt tù là ngày 28/12/2022. Sau khi chấp hành án xong anh Q có về trình diện tại địa phương. Hiện anh Q đi làm ăn xa nhưng không thông báo địa chỉ cụ thể nên không rõ anh Q ở đâu làm gì, nhưng anh Q vẫn liên lạc, thỉnh thoảng về thăm gia đình tại thôn Đ, xã T, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương.

[3] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi thông báo thụ lý vụ án và nhiều lần triệu tập anh Q đến Tòa án để giải quyết, gia đình anh Q đã thông báo cho anh Q nhưng anh Q vẫn không về, đây được xem là trường hợp người bị kiện cố tình che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ. Như vậy, anh Q đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, HĐXX căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[4] Về yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị N, HĐXX nhận định:

Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn Q kết hôn với nhau trên cơ sở tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn ngày 16/01/2019 tại UBND xã D, huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, do cả hai không cùng chung sống, không quan tâm đến nhau và đã ly thân từ giữa năm 2021 nên không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ.

Bản thân chị N xác định vợ chồng không còn tình cảm, không thể đoàn tụ được. Quá trình giải quyết vụ án, anh Q không có mặt theo yêu cầu của Tòa án để tiến hành hòa giải, điều đó cho thấy anh Q cũng không mong muốn hòa giải đoàn tụ.

Từ những căn cứ trên xác định, tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh Q đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt

được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị N là chính đáng và có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị N là xử cho chị N được ly hôn với anh Nguyễn Văn Q.

[5] Về con chung: Chị N xác định chị và anh Q không có con chung, không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[6] Về tài sản chung, công nợ chung: Chị N xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[7] Về án phí: Chị N phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh Q không phải nộp án phí.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 39, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N về việc ly hôn đối với anh Nguyễn Văn Q.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Văn Q.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị N phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002911 ngày 26 tháng 7 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Anh Nguyễn Văn Q không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- Chi cục THADS huyện Sơn Dương;
- UBND xã D, huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang (cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn);
- UBND xã T - Sơn Dương - Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- Lưu VT- HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Tuấn Linh